CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Lilama 10

Ngày 31/12/2025	25,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.2%	**17.9%**	**12.6%**

DT thuần
Q4/25
281
tỷ VNĐ
QoQ: ▼139| -33.0%
YoY: ▼9.00| -3.0%

LN thuần
Q4/25
19.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.90| 24.6%
YoY: ▲ 8.50| 75.3%

LN sau thuế
Q4/25
13.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.10| 8.4%
YoY: ▲ 4.97| 56.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.4%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE
2025
13.1%
YoY: +/-▲ 3.1%

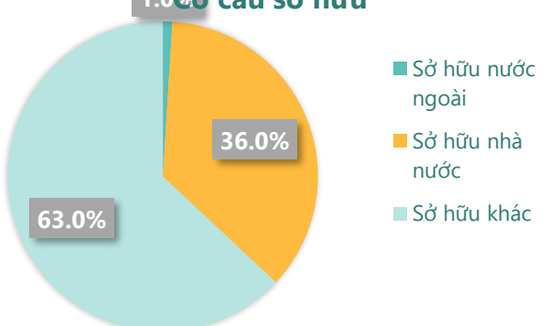
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,774 - 27,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	245
Số lượng CPLH (CP)	9,790,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	375
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.49
EPS	3,915
P/E	6.4

DT thuần
2025
1,438
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 365| 34.0%

LN thuần
2025
48.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.2| 55.7%

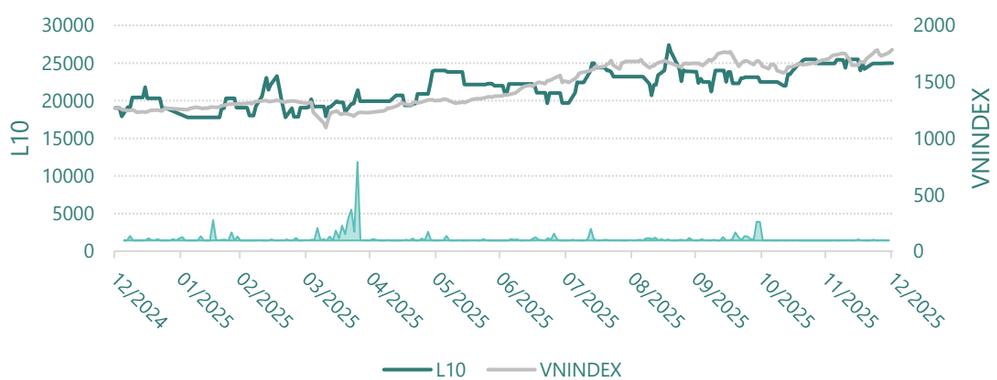
LN sau thuế
2025
38.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.7| 39.0%

Cơ cấu sở hữu

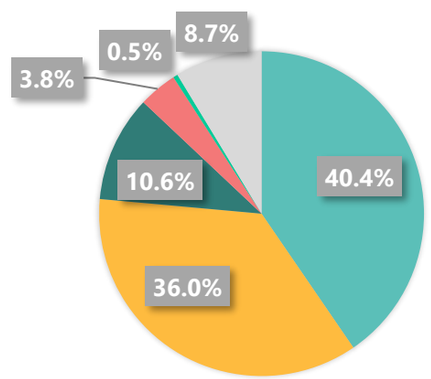


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

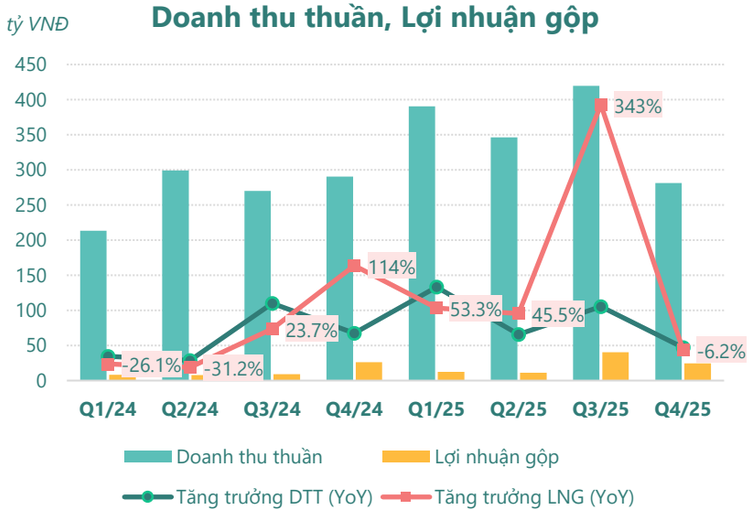


Đặng Văn Long (Chủ tịch HĐQT)
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP
Trịnh Ngọc Tuấn Hùng (Thành viên HĐQT)
Đỗ Văn Nhuận
Nguyễn Đức Tuấn
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

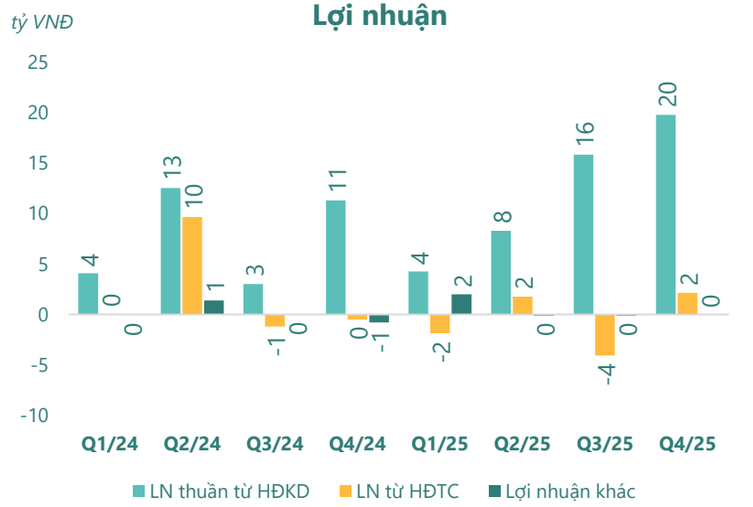
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



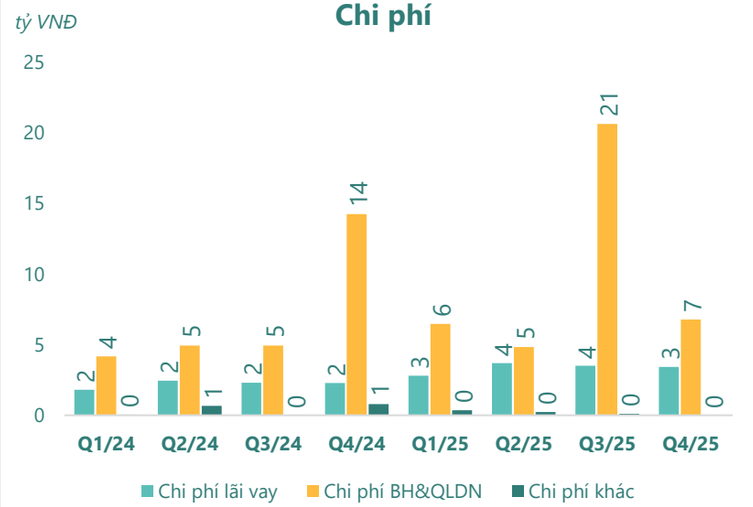
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



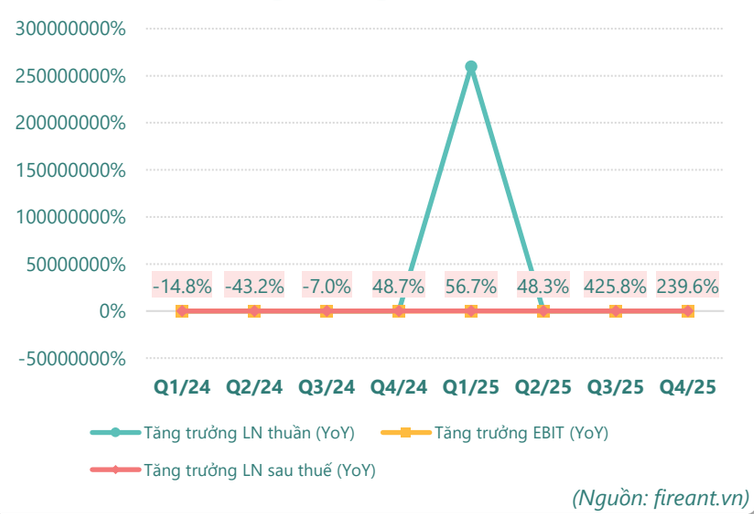
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



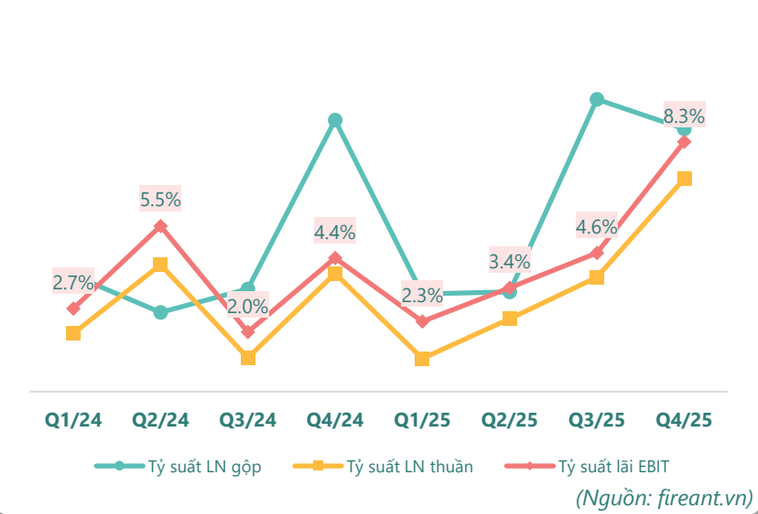
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



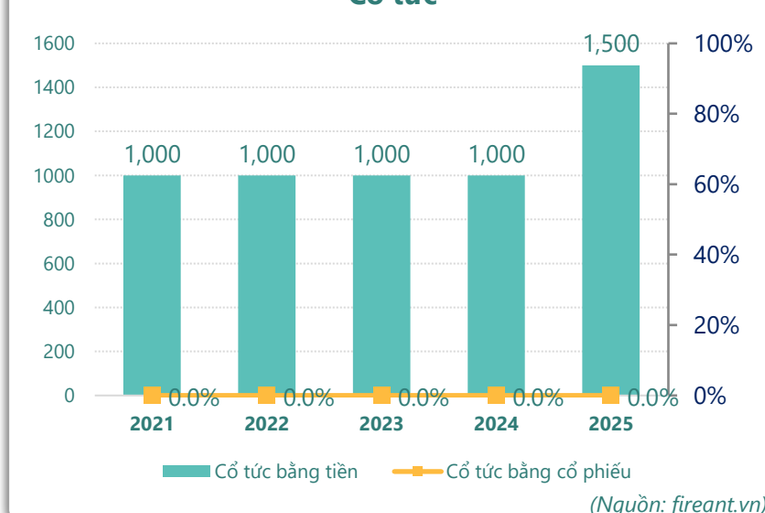
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

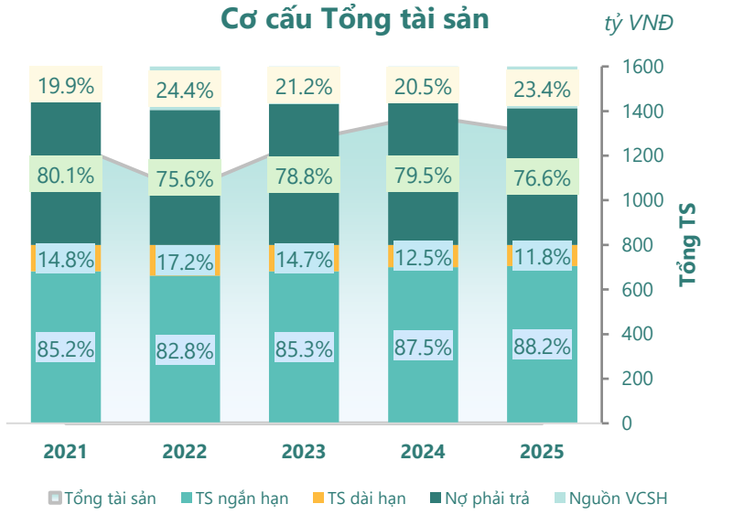
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

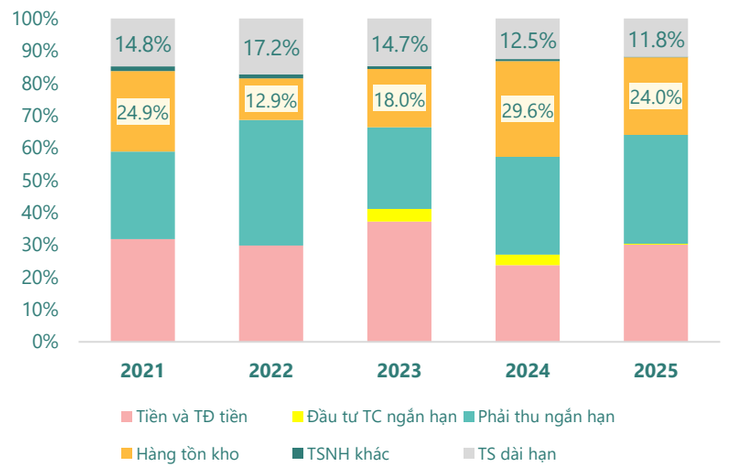
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



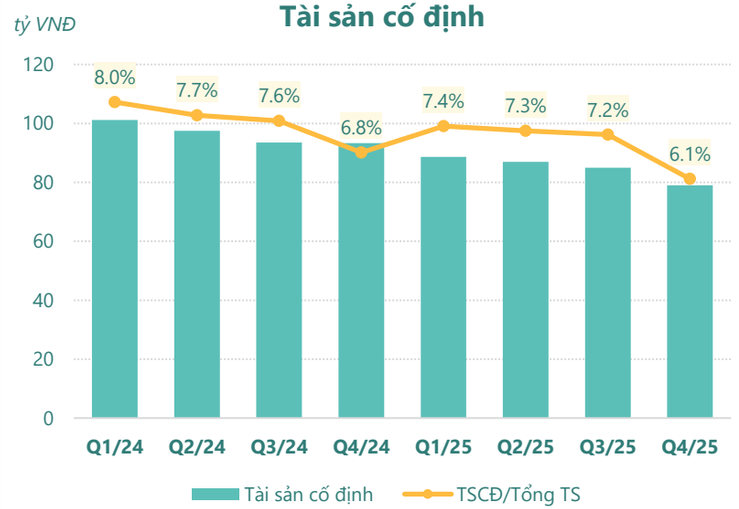
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



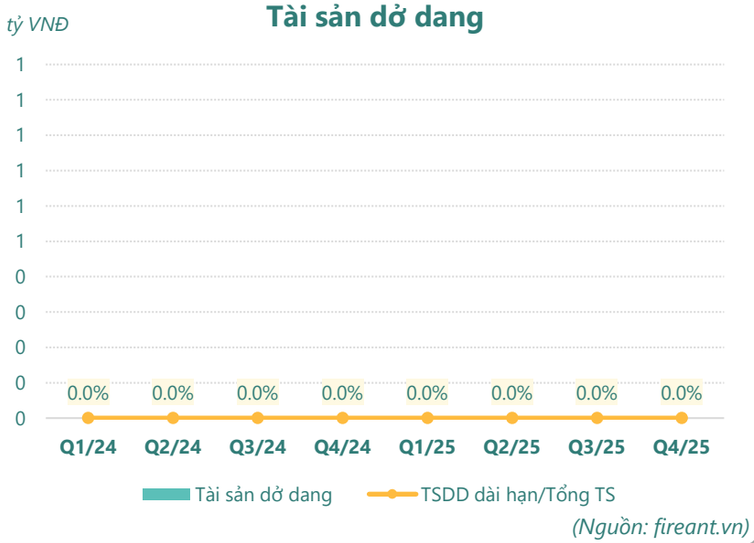
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



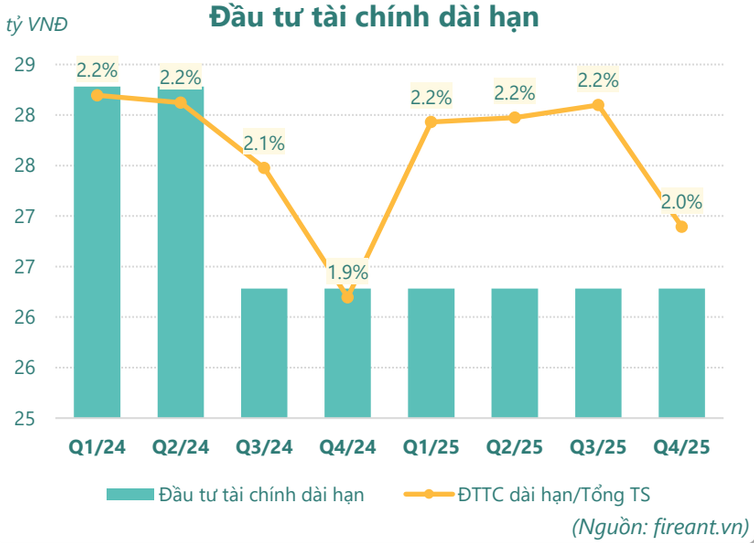
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



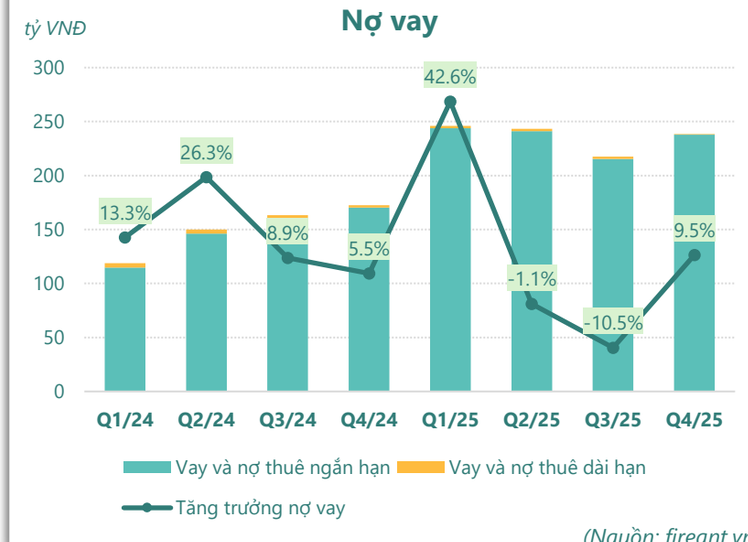
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

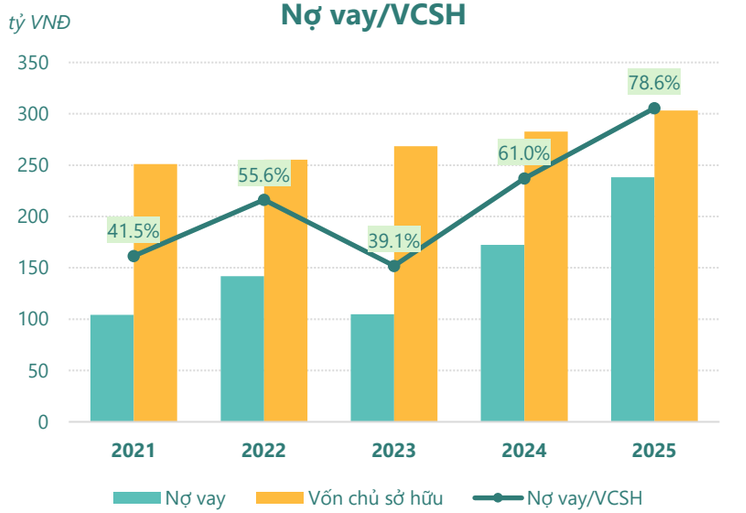
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

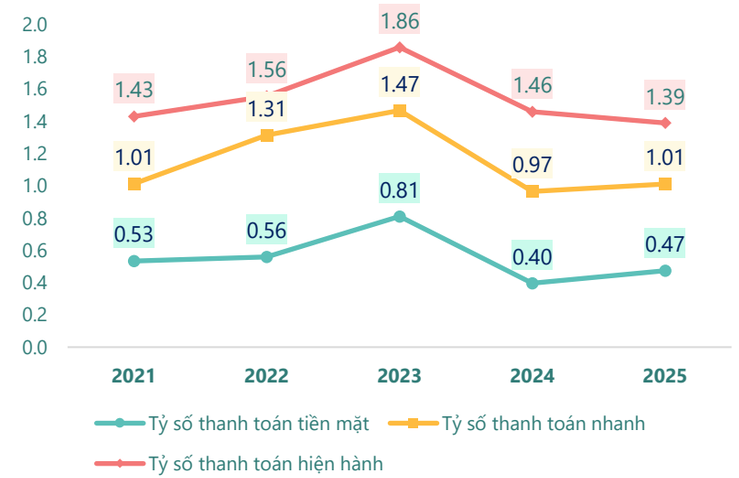
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



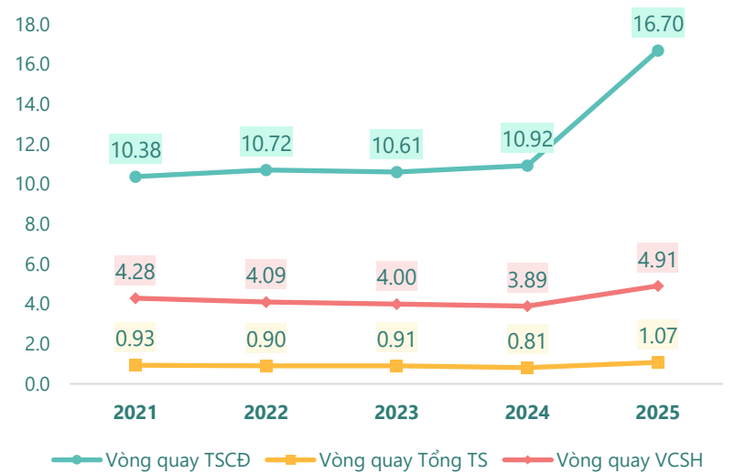
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



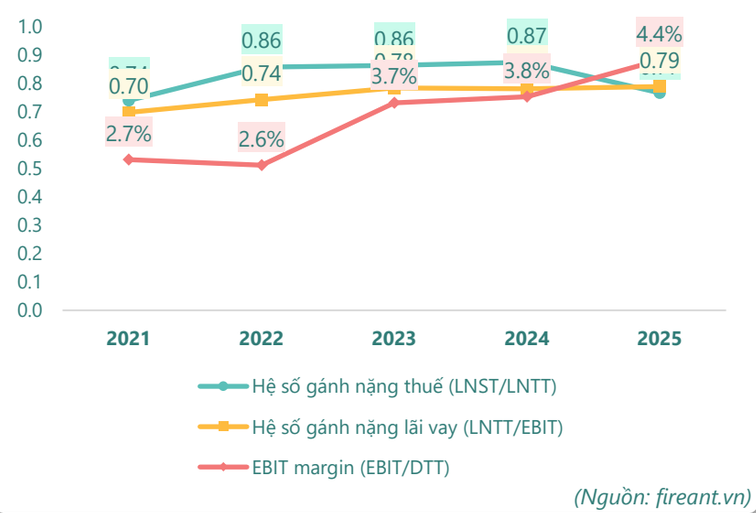
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



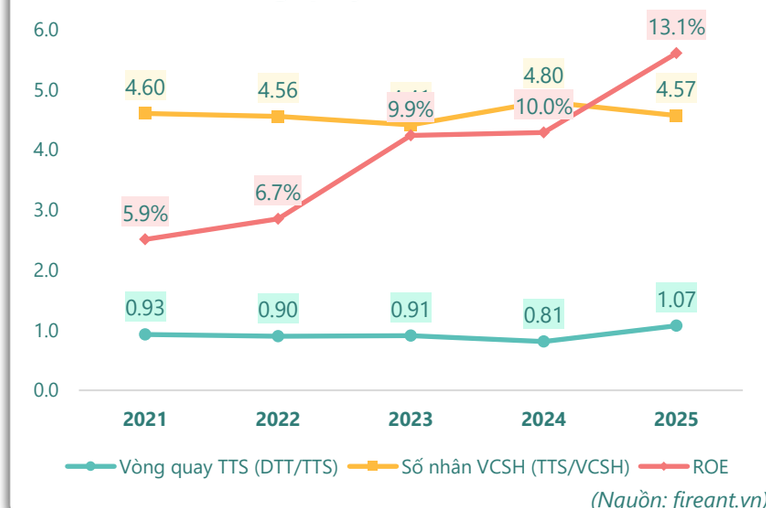
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



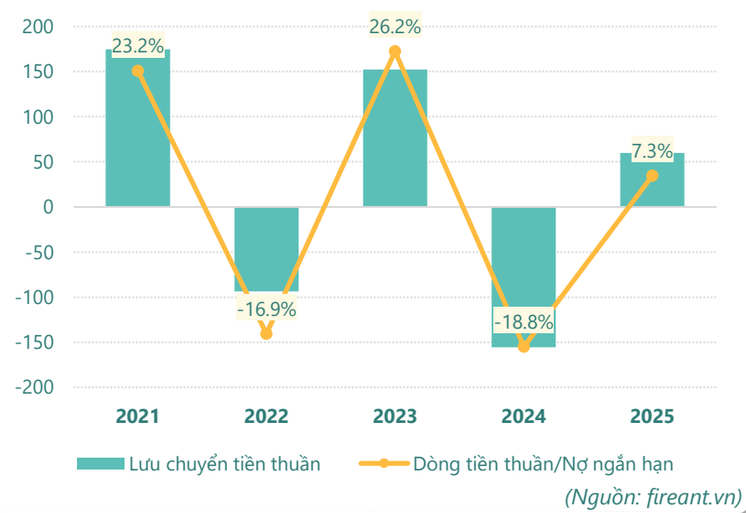
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**281**	**290**	**-3.0%**	**1,438**	**1,073**	**34.0%**
Giá vốn hàng bán	257	264	-2.7%	1,349	1,022	32.0%
Lợi nhuận gộp	24.5	26.1	-6.3%	89.0	51.3	73.6%
Doanh thu HĐTC	5.70	1.79	218%	12.2	16.9	-27.9%
Chi phí TC	3.56	2.28	56.3%	14.2	8.86	60.2%
Chi phí lãi vay	3.42	2.28	49.9%	13.4	8.85	51.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**6.78**	**14.3**	**-52.6%**	**38.7**	**28.3**	**36.8%**
LN thuần từ HĐKD	19.8	11.3	75.3%	48.2	31.0	55.7%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.80**	**100%**	**1.77**	**0.55**	**222%**
LN trước thuế	19.8	10.5	88.7%	50.0	31.5	58.6%
Lợi nhuận sau thuế	**13.7**	**8.73**	**56.5%**	**38.3**	**27.6**	**39.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.7**	**8.73**	**56.5%**	**38.3**	**27.6**	**39.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.88	-68.0	-67.2	-32.8	32.1	42.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.49	6.67	-0.24	37.1	-2.96	-0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.3	8.95	73.5	-17.3	-25.7	20.7
Tiền đầu kỳ	376	380	328	334	325	328
Lưu chuyển tiền thuần	**3.92**	**-52.4**	**6.03**	**-12.9**	**3.49**	**63.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.27	0	4.18	-0.48	-1.57
Tiền cuối kỳ	380	328	334	325	328	390

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,298**	**1,380**	**-5.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,144	1,207	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	390	328	18.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.43	44.3	-90.0%
Phải thu ngắn hạn	437	417	4.7%
Hàng tồn kho	311	409	-23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.65	8.55	-80.7%
Tài sản dài hạn	**154**	**173**	**-11.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	79.0	93.3	-15.3%
Bất động sản đầu tư	48.5	53.3	-9.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	26.3	26.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	995	1,097	-9.3%
Nợ ngắn hạn	**824**	**827**	**-0.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	170	39.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	163	231	-29.4%
Nợ dài hạn	171	270	-36.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.40	2.20	-81.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**303**	**283**	**7.3%**
Vốn chủ sở hữu	**303**	**283**	**7.3%**
Vốn điều lệ	98.9	98.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)